

Số: 122/TTr-UBND

Phường Lý Văn Lâm, ngày 18 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH
Ban hành Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách
phường Lý Văn Lâm năm 2026
(Sau thẩm tra)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân phường Lý Văn Lâm.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho xã, phường;

Trên cơ sở Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chi tiết dự toán ngân sách năm 2026. Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm kính trình Hội đồng nhân dân phường Lý Văn Lâm tại kỳ họp thứ Tư xem xét, quyết nghị về phân bổ dự toán ngân sách phường Lý Văn Lâm năm 2026, như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước: 6.000 triệu đồng.
2. Tổng thu cân đối ngân sách phường: 157.967 triệu đồng.
 - Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 5.240 triệu đồng.
 - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 139.285 triệu đồng.
 - Thu bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách: 13.442 triệu đồng.
3. Tổng chi cân đối ngân sách phường: 157.967 triệu đồng.
 - Chi đầu tư phát triển: 15.808 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 139.325 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách phường: 2.834 triệu đồng.

Trên đây là Tờ trình thông qua Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách phường Lý Văn Lâm năm 2026, Ủy ban nhân dân phường kính trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết nghị *(kèm theo Phương án phân bổ chi tiết dự toán ngân sách, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường và các phụ lục)*./.

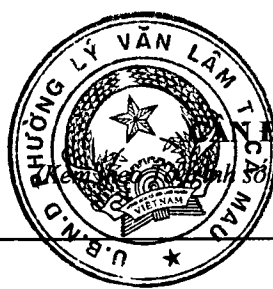
Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy phường;
- HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Vẹn



BỘ TƯ LIỆNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

Số 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Ly Văn Lâm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán tính giao năm 2026	Dự toán phường năm 2026	So sánh	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	22.079	152.308	157.967	157.967	123.637	103,72
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	6.748	5.557	5.240	5.240	-317	94,30
1	Thu NSDP hưởng 100%	6.748	5.557	5.240	5.240	-317	94,30
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia						
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	15.331	143.112	152.727	152.727	123.954	106,72
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	15.331	15.331	139.285	139.285	123.954	908,52
2	Thu bổ sung có mục tiêu		127.781	13.442	13.442		
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính						
IV	Thu kết dư		11				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.628				
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên						
VII	Tạm ứng ngân sách tỉnh						
B	TỔNG CHI NSDP	22.079	152.308	157.967	157.967	18.185	786,30
I	Tổng chi cân đối NSDP	22.079	150.756	157.967	157.967	18.825	786,30
1	Chi đầu tư phát triển (1)		3.819	15.808	15.808	11.989	
2	Chi thường xuyên	21.654	146.527	139.325	139.325	-7.202	95,08
	Trong đó: Chi mục tiêu thực hiện các chế độ, chính sách			11.614	11.614	11.614	
4	Chi trả nợ lãi các khoản do C.quyền Đ.phương vay						
5	Dự phòng ngân sách	425	410	2.834	2.834	2.424	691,22
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương						
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	640			-640	0,00
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo)		640			-640	0,00
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ						
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		912				
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên						
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)						
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)						
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc						
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh						
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)						
I	Vay để bù đắp bội chi						
II	Vay để trả nợ gốc						



THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Mô hình thu) Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Dự toán năm 2025		Ước TH năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	9=8/4	10=9/5
	TỔNG THU NSNN	26.450	6.748	26.450	6.748	6.000	5.240	22,68	77,65
I	Thu nội địa	26.450	6.748	26.450	6.748	6.000	5.240	22,68	77,65
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	12.234	0	12.234					
	- Thuế GTGT - TNDN	12.171		12.171					
	- Thuế TTĐB	63		63					
	- Thuế tài nguyên								
	- Thu khác về thuế								
5	Thuế thu nhập cá nhân	7.468		7.468					
6	Thuế bảo vệ môi trường								
7	Lệ phí trước bạ	3.618	3.618	3.176	3.176	2.500	2.500	69,1	69,1
8	Thu phí, lệ phí	698	698	837	837	500	200	71,63	28,65
	- Phí và lệ phí trung ương					300			
	- Phí và lệ phí xã, phường	698	698	837	837	200	200	28,65	28,65
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.967	1.967	1.967	1.967	2.200	2.200	112	111,85
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước								
12	Thu tiền sử dụng đất								
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước								
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết								
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản								
16	Thu khác ngân sách	465	465	768	768	800	340	172,04	73,12
	- Thu khác ngân sách trung ương					460			
	- Thu khác ngân sách địa phương					340	340		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác								
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)								
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)								
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)								
II	Thu từ dầu thô								
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu								
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu								
2	Thuế xuất khẩu								
3	Thuế nhập khẩu								
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu								
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu								
6	Thu khác								
IV	Thu viện trợ								



CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước TH năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh DT 2024/ UTH 2024	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B		1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	22.079	152.308	157.967	18.825	103,72
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	22.079	150.756	157.967	18.825	104,78
I	Chi đầu tư phát triển	0	3.819	15.808	11.989	413,93
1	Chi đầu tư cho các dự án		3.819	15.808	11.989	413,93
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực					
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học và công nghệ					
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn					
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất					
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
2	- Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	21.654	146.527	139.325	-7.202	95,08
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	452	71.151	75.596	4.445	106,25
2	Chi khoa học và công nghệ			280		
3	Chi mục tiêu thực hiện các chế độ, chính sách			11.614	11.614	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do C.quyền Đ.phương vay					
IV	Dự phòng ngân sách	425	410	2.834	2.424	691,22
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		0		0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	640			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	640			
1	Chương trình MTQG (10472)		447			
2	Chương trình MTQG (10473)		193			
3	Chương trình MTQG (10472)					
4	Chương trình MTQG (10473)					
5	Chương trình MTQG (00502)					
6	Chương trình MTQG (00629)					
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
	(Chi tiết theo từng CT mục tiêu, nhiệm vụ)					
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		912			
D	CÁC KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NSNN					



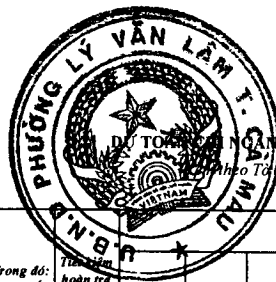
TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

Kèm theo Quyết định số 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước TH năm 2025	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NSDP	21.919	152.308	157.967
A	CHI BS CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI			
1	Bổ sung cân đối			
2	Bổ sung có mục tiêu			
B	CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC	21.919	150.757	157.967
I	Chi đầu tư phát triển		3.819	15.808
1	Chi đầu tư cho các dự án		3.819	15.808
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
	- Chi quốc phòng			
	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
	- Chi y tế, dân số và gia đình			
	- Chi văn hóa thông tin			
	- Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
	- Chi bảo vệ môi trường			
	- Chi các hoạt động kinh tế			
	- Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể			
	- Chi bảo đảm xã hội			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	21.494	146.527	139.325
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	452	71.151	75.596
2	Chi khoa học và công nghệ			280
3	Chi quốc phòng	1.606	2.130	2.638
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.891	2.103	2.240
5	Chi y tế, dân số và gia đình			2.790
6	Chi văn hóa thông tin	232	159	1.322
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	62	49	110
8	Chi thể dục thể thao	66	125	110
9	Chi bảo vệ môi trường	90	125	150
10	Chi các hoạt động kinh tế	418	3.923	12.000
11	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	15.988	49.108	30.935
12	Chi bảo đảm xã hội	689	17.494	9.274
	- Định mức phân bổ cho phường			450
	- Bổ sung chi chính sách đảm bảo xã hội			8.824
13	Chi khác ngân sách	160	160	1.880
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	425	410	2.834
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		640	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo)		640	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		912	

Ghi chú : Sự nghiệp văn hoá thông tin năm 2026 (đã bao gồm kinh phí 08 biên chế viên chức và hoạt động)



NGÂN SÁCH PHƯỜNG TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

theo Tờ trình số 122 TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

Biểu mẫu số 35

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CT-MTQG)	Chi thường xuyên (không kể CT-MTQG)	Trong đó: 10% tiết kiệm để lại làm lương	Tồn tiền hoàn trả nguồn cải cách tiền lương	Chi thường xuyên bao gồm													Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi bổ sung CMT cho NS cấp dưới	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi QLNN, đáng, đoàn thể và áp, khóm	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
A	B	1	2	3			3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	3.6	3.7	3.8	3.9	3.10	3.11	3.12	3.13	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	157.967	15.808	139.325	2.219	367	75.596	280	2.638	2.240	2.790	1.322	110	110	150	12.000	30.935	9.274	1.880	0	0	2.834	0	0	0	0	0	0
I	Các cơ quan, tổ chức	155.133	15.808	139.325	2.219	367	75.596	280	2.638	2.240	2.790	1.322	110	110	150	12.000	30.935	9.274	1.880	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chi đầu tư XD CB tập trung	15.808	15.808																					0				
1	Văn phòng Đảng ủy	6.939		6.939	80	25											6.519		420					0				
2	Ủy ban MTTQVN phường	2.716		2.716	42	12											2.676		40									
3	Khối UBND phường	40.577		40.577	282	97	475	280	2.638	2.240	2.790	0	0	0	150	0	21.740	9.274	990	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Văn phòng UBND và UBND	5.501		5.501	81	29											5.321		180					0				
3.2	Phòng Kinh tế, HT&ĐT	17.597		17.597	102	32			2.638	2.240					150		12.189		380					0				
3.3	Phòng Văn hóa - Xã hội	15.943		15.943	77	22	475	280			2.790						2.694	9.274	430					0				
3.4	Trung tâm Phục vụ HC công	1.536		1.536	22	14											1.536							0				
4	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông	1.572		1.572	53	14						1.322	110	110					30					0				
5	Các trường (8 trường)	73.293		73.293	781		73.293																					
6	Chi mục tiêu các chính sách ASXH cho giáo dục	1.828		1.828			1.828																					
7	Chi các hoạt động kinh tế (chưa phân bổ)	12.000		12.000	981	219										12.000												
8	Chi khác ngân sách	400		400															400									
II	Chi các Hội & các TC XHNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	Tỉnh chưa phân bổ																							0				
III	Chi trả nợ lãi vay các khoản	0	0	0																				0				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	0																				0				
V	Chi dự phòng ngân sách	2.834		0																		2.834		0				
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0																				0				
VII	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	0		0																				0				
VIII	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0		0																				0				

Ghi chú: Sự nghiệp văn hoá thông tin năm 2026 (đã bao gồm kinh phí 08 biên chế viên chức và hoạt động)



(Kèm theo Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

[illegible]

**PHƯƠNG ÁN
PHÂN BỐ CHI TIẾT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM NĂM 2026**

(Kèm theo Tờ trình số: 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thực hiện Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm. Từ đó việc xây dựng và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 có ý nghĩa rất quan trọng. Việc phân bổ dự toán ngân sách phải đảm bảo đúng Luật trên cơ sở chế độ, chính sách hiện hành, vừa phải sát với tình hình thực tế địa phương, đảm bảo nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, củng cố quốc phòng - an ninh. Tiếp tục thực hiện chính sách hợp lý nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất - kinh doanh, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Do đó cần tập trung một số yêu cầu chủ yếu như sau:

1. Xây dựng dự toán ngân sách năm 2026, phải dựa trên đánh giá tình hình thực hiện của năm trước, những thay đổi về chế độ chính sách và dự báo tăng trưởng kinh tế, năng lực sản xuất mới tăng thêm, sự biến động thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ,... Đồng thời thực hiện các biện pháp khuyến khích sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

2. Dự toán ngân sách Nhà nước xây dựng phải tích cực, vững chắc, có tính khả thi cao, phát huy nội lực, khai thác tốt nguồn thu, phấn đấu thu tăng hơn so với dự toán tình giao. Tập trung thực hiện tốt các phương pháp về quản lý nguồn thu, chống thất thu, nợ đọng, trốn thuế...

3. Phân bổ ngân sách bảo đảm tính chủ động cho các ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, tạo đà cho bước phát triển các năm tiếp theo.

4. Dự toán chi ngân sách tập trung quan tâm lĩnh vực chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, và một số lĩnh vực quan trọng khác, phân bổ chi ngân sách trên nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

**B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM NĂM 2026**

**I. NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU PHÂN BỐ NGÂN SÁCH
NĂM 2026**

- Thực hiện Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm. Do đó phân bổ dự toán chi ngân sách phải đảm bảo nguyên tắc cân đối thu, chi ngân sách theo luật ngân sách hiện hành.

- Định mức phân bổ chi ngân sách thể hiện tính tương đối hợp lý trong từng lĩnh vực, từng ngành, vừa thể hiện mức bình quân chung.

II. VỀ THU CHI NGÂN SÁCH

1. Phân bổ dự toán thu ngân sách Nhà Nước năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên nguồn thu	Dự toán thu NSNN năm 2026
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>6.000</u>
<u>A</u>	<u>TỔNG THU TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>6.000</u>
I	<u>Thuế công thương nghiệp</u>	
1	Hộ cá thể	
1.1	Môn bài	
1.2	Hộ thuế GTGT - TNDN	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
3	Thu khác thuế	
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	2.200
III	Thuế nhà đất	
IV	Phí và lệ phí	500
	<i>Lệ phí Trung ương</i>	<i>300</i>
	<i>Lệ phí do địa phương quản lý</i>	<i>200</i>
V	Lệ phí trước bạ	2.500
VI	Thuế thu nhập cá nhân	
VII	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	
VIII	Cấp quyền sử dụng đất	
IX	Thu khác ngân sách	800
	<i>Thu khác ngân sách Trung ương</i>	<i>460</i>
	<i>Thu khác ngân sách địa phương</i>	<i>340</i>

2. Phân bổ chi tiết dự toán thu ngân sách phường năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng.

ST	Tên nguồn thu	Dự toán thu NS phường năm 2026
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>157.967</u>
<u>A</u>	<u>TỔNG THU NS TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>5.240</u>
1	Đóng góp nhân dân	
2	Lệ phí trước bạ	2.500
3	Môn bài	
4	Thuế chuyển quyền SDD	
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	2.200
6	Thuế nhà đất	
7	Phí và lệ phí	200
8	Thuế thu nhập cá nhân	
9	Thu khác ngân sách	340
<u>B</u>	<u>BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</u>	<u>152.727</u>
1	Bổ sung cân đối	139.285
2	Bổ sung mục tiêu	13.442

3. Về chi ngân sách địa phương

3.1. Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung các khoản chi	Phân bổ dự toán năm 2026
<u>TỔNG CHI NSDP (I+II+III+IV)</u>	<u>157.967</u>
<u>I. Chi đầu tư phát triển:</u>	<u>15.808</u>
1. Nguồn ngân sách tập trung	15.808
2. Nguồn sở hữu kiến thiết	

Nội dung các khoản chi	Phân bổ dự toán năm 2026
<u>II. Chi thường xuyên:</u>	<u>139.325</u>
1. Chi sự nghiệp kinh tế	12.000
2. Chi sự nghiệp GDĐT & dạy nghề	75.596
+ Chi sự nghiệp Giáo dục	75.121
<i>Trong đó: bổ sung có mục tiêu các chính sách ASXH cho giáo dục</i>	1.828
+ Phân bổ tạo nguồn + Giáo dục cộng đồng tại phường	475
3. Chi sự nghiệp Y tế	2.790
4. Chi sự nghiệp Khoa học, công nghệ, chuyển sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm kinh phí của Tổ công nghệ số cộng đồng 600.000đ/tổ/tháng)	280
5. Chi sự nghiệp môi trường	150
6. Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin	1.322
7. Chi sự nghiệp Thể dục thể thao	110
8. Chi sự nghiệp truyền thanh	110
9. Chi đảm bảo xã hội	9.274
+ Định mức phân bổ cho phường	450
+ Bổ sung chi chính sách đảm bảo xã hội	8.824
10. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	30.935
11. Chi Quốc phòng	2.638
12. Chi an ninh	2.240
13. Chi khác ngân sách = 1,5% chi TX	1.880
<u>IV. Dự phòng ngân sách:</u>	<u>2.834</u>
Tiết kiệm 10% tạo nguồn làm lương	2.219
Tiết kiệm hoàn trả nguồn CCTL	367

3.2. Những nguyên tắc và mục tiêu phân bổ chi ngân sách phường năm 2026

- Phân bổ ngân sách tính toán cân đối giữa tổng nguồn thu ngân sách được hưởng, khoản chi theo định mức tỉnh giao.
- Định mức phân bổ chi ngân sách được dựa trên cơ sở tình hình thực tế thực hiện các năm qua, yêu cầu nhiệm vụ công tác và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3.3. Phân tích một số khoản chi chủ yếu

* Chi thường xuyên:

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện theo tinh thần Luật ngân sách nhà nước quy định. Trên cơ sở khoán chi dự toán cho các ngành phường từ đầu năm. Ưu tiên phân bổ cho các ngành văn hóa, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội và chi cho Quốc phòng - An ninh được quan tâm trong việc phân bổ kinh phí cũng như cân đối nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi kịp thời, tuy nhiên cần phải quản lý, điều hành, sử dụng có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ nhưng tiết kiệm được kinh phí.

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên cơ sở kế thừa kết quả thực hiện định mức phân bổ thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc đảm bảo các khoản chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương, tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng.

- Định mức phân bổ chi các hoạt động kinh tế bằng 10% chi thường xuyên của cấp xã.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

+ Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương (*kể cả tăng lương định kỳ và thường xuyên*).

+ Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh

Trường Trung học cơ sở: 1.288.000 đồng/học sinh/năm;

Trường Tiểu học: 1.232.000 đồng/học sinh/năm;

Trường Mẫu giáo: 1.820.000 đồng/học sinh/năm;

Trường Mầm Non (*bao gồm lớp mẫu giáo và lớp trẻ*): 2.030.000 đồng/học sinh/năm.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề phân bổ tạo nguồn cho cấp xã: 350.000.000 đồng/năm.

+ Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Giáo dục cộng đồng tại xã: 125.000.000 đồng/năm.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

+ Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin là 150.000.000 đồng/năm.

+ Kinh phí hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng: 600.000 đồng/tổ/tháng.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường phân bổ 150.000.000 đồng/năm.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

+ Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương. Đối với Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông bổ sung định mức 27.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Định mức phân bổ 120.000.000 đồng/năm.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao phân bổ 110.000.000 đồng/năm.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình phân bổ 110.000.000 đồng/năm.

- Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội phân bổ 450.000.000 đồng/năm.

+ *Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung*: Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, an sinh xã hội: Trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; các chính sách có liên quan đối với người có công với cách mạng, cựu chiến binh, thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định.

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ và tặng quà người cao tuổi; phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

** Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng và Đoàn thể*

- Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

+ Định mức phân bổ: Đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương.

+ Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên:

Theo biên chế được giao: Từ biên chế thứ 01 đến 50: 27.000.000 đồng/biên chế/năm; Từ biên chế thứ 51 trở lên: 25.000.000 đồng/biên chế/năm;

Hoạt động không chuyên trách: 20.000.000 đồng/người/năm.

+ Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.

Phân bổ theo định suất được giao: Khoản với mức 100.000.000 đồng/định suất/năm (*Kinh phí này tỉnh chưa phân bổ vì Chủ trương của tỉnh có ngày 27/11/2015, nguồn kinh phí này tỉnh bổ sung sau*).

- Phân bổ kinh phí cho các tổ chức phụ hội theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với khóm.

Phân bổ: Khoán kinh phí hoạt động 3.000.000 đồng/khóm/tháng;

Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở khóm thực hiện theo quy định của cấp thẩm quyền.

- Định mức phân bổ chi quốc phòng: 455.000.000 đồng/năm.

Phụ cấp cho lực lượng dân quân thường trực; kinh phí áp đội trưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội: 210.000.000 đồng/năm.

Kinh phí cho lực lượng tham gia Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở ấp, khóm theo quy định của cấp thẩm quyền.

- Định mức phân bổ chi khác ngân sách: Chi khác ngân sách được phân bổ bằng 1,5 % tổng dự toán chi thường xuyên (không bao gồm kinh phí bổ sung có mục tiêu).

* Dự phòng ngân sách:

- Thực hiện các yêu cầu khẩn cấp như phòng chống và khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn phường.

- Thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về Quốc phòng, An ninh và các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh ngoài dự toán đã giao đầu năm.

* Tiết kiệm 10% nguồn làm lương: Thực hiện nhiệm vụ tạo nguồn làm lương, cải cách tiền lương cho năm 2026 theo quy định.

* Tiết kiệm hoàn trả nguồn cải cách tiền lương theo Kết luận của Kiểm toán nhà nước Khu vực V.

Sau khi được HĐND phường quyết nghị phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 là cơ sở để tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành ngân sách phường năm 2026, Ủy ban nhân dân phường đề nghị các ngành, các cấp phải tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc nhằm hoàn thành nhiệm vụ ngân sách năm 2026./.

Số: /NQ-HĐND

Phường Lý Văn Lâm, ngày 19 tháng 12 năm 2025

DƯ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về phân bổ dự toán ngân sách phường Lý Văn Lâm năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho xã, phường;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về phân bổ dự toán ngân sách phường Lý Văn Lâm năm 2026; Báo cáo Thẩm tra số 14/BC-KTNS ngày 18/12/2025 của ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường Lý Văn Lâm;

Hội đồng nhân dân phường Lý Văn Lâm khóa I, Kỳ họp thứ Tư đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phân bổ dự toán ngân sách phường Lý Văn Lâm năm 2026, gồm:

- Tổng thu ngân sách Nhà nước: 6.000 triệu đồng.
- Tổng thu cân đối ngân sách phường: 157.967 triệu đồng.
 - Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 5.240 triệu đồng.
 - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 139.285 triệu đồng.
 - Thu bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách: 13.442 triệu đồng.
- Tổng chi cân đối ngân sách phường: 157.967 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 15.808 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 139.325 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách phường: 2.834 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm chịu trách nhiệm giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị và các phòng chuyên môn và các khóm theo phương án đã trình và đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ngân sách năm 2026.

2. Đối với dự phòng ngân sách và một số khoản chi chưa phân bổ chi tiết, những khoản chi phát sinh trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm điều hành cụ thể và thực hiện chế độ báo cáo cho Thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường theo quy định.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và cấp trên về những vấn đề vi phạm trong quản lý, điều hành ngân sách của cơ quan, đơn vị và các phòng chuyên môn và các khóm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc quá trình triển khai thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Lý Văn Lâm khóa I, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- UB MTTQ, đoàn thể phường;
- Các phòng chuyên môn phường;
- Trưởng các khóm;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Dương Minh Em